

Bản án số: 55/2019/HS-ST
Ngày 15 tháng 8 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN - TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vì Văn Sùm

Ông Bùi Nguyên Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2019/HSST ngày 25 tháng 7 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Ngọc T. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 31.01.1991, tại huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi đăng ký HKTT : Thôn D, xã T, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở: Tổ 3, phường S, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12 Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không. Con ông Bùi Văn H, sinh năm 1964 và bà Đỗ Thị M, sinh năm 1967. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25.12.2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Quàng Văn C. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 17.6.1989, tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Bản B, phường S, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 10/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Thái. Tôn giáo: Không. Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không. Con ông: Quàng Văn L, sinh năm 1969 và bà Quàng Thị Đ, sinh năm 1972. Bị cáo

có vợ là Lò Thị T, sinh năm 1995. Bị cáo 02 con, con lớn 05 tuổi, con nhỏ 03 tuổi. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25.12.2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 25/12/2018, Đỗ Ngọc T đang ở chỗ làm tại cây xăng Sơn Lâm số 01 thuộc tổ 4, phường S, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La thì Quàng Văn C đến chơi. Sau đó, T có đặt vấn đề hỏi C mua giúp 100 viên hồng phiến để sử dụng và hứa nếu mua được sẽ cho C sử dụng cùng, C đồng ý rồi đi về nhà gặp Cà Văn Đ, trú tại bản Có, phường S, thành phố Sơn La đang câu cá ở ao nhà C, C mượn điện thoại của Đ gọi cho bạn là Chử Văn K bảo K gửi số điện thoại của người bạn tên là P cho C (C khai P là người bạn đi nghĩa vụ cùng nhau từ năm 2009). Sau khi có số điện thoại của P, C gọi điện cho P hỏi mua 100 viên hồng phiến với giá 4.250.000VNĐ, P đồng ý và nói sẽ mang hồng phiến đến nhà C. C đi gặp Đỗ Ngọc T nói đã mua được 100 viên hồng phiến với giá 4.250.000VNĐ và bảo T đưa tiền. T đồng ý đưa cho C số tiền 4.250.000VNĐ, C cầm tiền nói “khi nào có hồng phiến anh gọi” rồi đi về nhà. Đến khoảng 20 giờ ngày 25.12.2018, P điều khiển xe đến nhà Quàng Văn C và đưa cho C 01 gói nilon màu xanh nói bên trong chứa 100 viên hồng phiến, C cầm lấy gói nilon và đưa cho P 4.250.000VNĐ, P cầm tiền rồi đi về. Sau đó C gọi điện cho T đến nhà C lấy ma túy, khoảng 10 phút sau T đến và cùng với C mở gói ma túy ra kiểm tra bên trong đúng là 100 viên hồng phiến rồi gói lại. Sau đó T rủ C đi xã B, huyện Mai Sơn chơi, C đồng ý giấu gói ma túy vào trong áo khoác của C rồi cùng với T gọi xe taxi hãng Mai Linh do Cà Văn M điều khiển đi đến địa phận tiểu khu 8, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn thì bị Tổ C tác C an huyện Mai Sơn kiểm tra yêu cầu nếu có ma túy thì tự giác giao nộp, T đã khai có 100 viên hồng phiến trong hộp giấy màu xanh có in chữ “Hoạt huyết dưỡng não” để trên cạnh đùi bên phải của T, kiểm tra bên trong có 01 vỏ bao thuốc lá chứa 01 hộp nhựa được quấn bằng băng dính màu đen, bên trong hộp nhựa được phủ một lớp nilon màu xanh dưới lớp nilon có 100 viên nén màu hồng mỗi viên đều có chữ WY. Tổ C tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ 1.300.000VNĐ, 01 điện thoại hiệu OPPO màu đỏ, kèm theo sim tại túi quần Đỗ Ngọc T và 100.000VNĐ thu giữ tại túi quần bên phải của Quàng Văn C.

Ngày 26.12.2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn phối hợp cùng Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La cân tịnh xác định trọng lượng, trích rút mẫu giám định và niêm phong vật chứng thu giữ của Đỗ Ngọc T và Quàng Văn C, kết quả: 100 viên nén màu hồng mỗi mặt đều có kỹ hiệu WY ghi là ma túy tổng hợp có khối lượng 10,02 gam, trích rút 1,03gam (10 viên nén), ký hiệu M để giám định. Vật chứng còn lại 8,99gam, ký hiệu T được niêm phong nhập kho vật chứng.

Ngày 31.12.2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La ra bản kết luận giám định số 152, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu M là ma túy. Loại Methamphetamine. Tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 1,03 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ được là 10,02 gam, loại methamphetamine”.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Ngọc T và Quàng Văn C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Bản cáo trạng số 60/CT-VKS ngày 25.7.2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn đã truy tố các bị cáo Đỗ Ngọc T, Quàng Văn C về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Sau khi kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Ngọc T, Quàng Văn C phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc T từ 05 năm đến 06 năm tù. Xử phạt bị cáo Quàng Văn C từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 249, khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 1.000.000VNĐ đến 2.000.000VNĐ.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); áp dụng khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bao bì niêm phong tang vật bên trong chứa hộp giấy, vỏ bao bì thuốc lá, hộp nhựa, băng dính, các mảnh nilon B đầu và 8,99gam methamphetamine, vỏ phong bì ghi vụ Quàng Văn C, Đỗ Ngọc T, tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại hiệu OPPO vỏ màu đỏ, kèm theo 01 sim thu giữ của Đỗ Ngọc T.

Trả lại cho bị cáo Đỗ Ngọc T số tiền 1.300.000VNĐ, trả cho bị cáo Quảng Văn C số tiền 100.000VNĐ.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo là 200.000VNĐ.

Bị cáo Đỗ Ngọc T và Quảng Văn C tự bào chữa: Nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố, và tại phiên tòa hôm nay không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của các bị cáo thì thấy rằng: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận, để có ma túy sử dụng cho bản thân, ngày 25.12.2018, Đỗ Ngọc T đã đưa cho Quảng Văn C số tiền 4.250.000VNĐ để nhờ C mua methamphetamine để sử dụng và hứa nếu mua được sẽ cho C cùng sử dụng, C đồng ý. Cùng ngày, C đã mua được 100 viên ma túy của một người đàn ông tên P, sau đó C đã gọi điện cho T rồi cùng nhau thuê xe taxi xuống xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La thì bị C an bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng gồm 10,02gam methamphetamine.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 23 giờ 00 phút ngày 25.12.2018; biên bản mở niêm phong, cân tịnh, trích rút mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng; kết luận giám định số 152 ngày 31.12.2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La; phù hợp với các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đối với các bị can và

phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có gì mâu thuẫn, không phát sinh tình tiết, chứng cứ mới.

Như vậy, với việc tàng trữ trái phép 10,02 gam methamphetamine để sử dụng đã có đầy đủ cơ sở kết luận các bị cáo T, C đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó, Viện kiểm sát truy tố và Tòa án xét xử các bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho các bị cáo.

[3] Xét thấy tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm về hình sự, nhận thức được việc mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật để phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm vào chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, tiếp tay cho các đối tượng hám lời có cơ hội lưu thông buôn bán ma túy. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, vì lẽ đó khi lượng hình cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày sơ thẩm, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sẽ được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với các bị cáo khi lượng hình.

[5] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án có đồng phạm ở thể giản đơn, cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để phân hóa vai trò của từng bị cáo, cụ thể: Đỗ Ngọc T là người khởi xướng và đưa tiền cho C để mua ma túy sử dụng, hứa cho C sử dụng ma túy cùng, nên giữ vai trò chính trong vụ án. Quàng Văn C sau khi được T nhờ mua ma túy đã đồng tình ngay với mục đích để được sử dụng ma túy cùng T, là người trực tiếp giao dịch mua ma túy, cất giữ ma túy nên bị cáo là đồng phạm với vai trò tích cực trong vụ án.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định tương xứng với tính chất, vai trò của từng bị cáo trong vụ án mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có thu nhập ổn định, sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 vỏ bao bì niêm phong tang vật **B** đầu chứa vỏ bao thuốc lá, hộp nhựa, băng dính, các mảnh nilon và 8,99gam ma túy. Xét thấy đây là những vật chứng không còn giá trị sử dụng và cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ kèm theo sim thu giữ của bị cáo T, xét thấy là phương tiện bị cáo để liên lạc tàng trữ ma túy, do đó cần tịch thu sung C quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 100.000VNĐ thu giữ của bị cáo C và 1.300.000VNĐ thu giữ của bị cáo T. Xét thấy đây là số tiền của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

[8] Về nguồn gốc chất ma túy: Quàng Văn C khai mua của người đàn ông tên P tại địa phận bản B, phường S, thành phố Sơn La. Bị cáo C khai P là người đi nghỉ vụ cùng C năm 2009, P sinh năm 1982, không nhớ họ, trú tại xã Phiêng Cầm, Mai Sơn, Sơn La. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác minh theo lời khai của bị cáo và UBND xã Phiêng Cầm, Mai Sơn xác nhận, vào thời điểm năm 2009 không có ai tên P nhập ngũ hay xuất ngũ. Ngoài lời khai của bị cáo không có chứng cứ nào khác chứng minh hành vi mua bán ma túy của P và bị cáo. Do đó không có cơ sở để mở rộng vụ án.

Đối với Cà Văn M là lái xe taxi chở C và T đến xã Nà Bó, huyện Mai Sơn vào ngày 25.12.2018. Qua điều tra đã xác định M không biết việc các bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy, do đó không đặt vấn đề xử lý đối với M là hoàn toàn phù hợp.

Đối với Cà Văn Đ và Chử Văn K đã cho bị cáo Quàng Văn C mượn điện thoại và xin số điện thoại của P để mua ma túy. Tuy nhiên Đ và K không biết mục đích của bị cáo C nên không có căn cứ để xử lý là đúng quy định.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Ngọc T và Quàng Văn C phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc T 5 (Năm) năm 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 25.12.2018).

Xử phạt bị cáo Quảng Văn C 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 25.12.2018).

Áp dụng khoản 5 Điều 249, khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Ngọc T số tiền 1.000.000VNĐ (một triệu đồng).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Quảng Văn C.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); áp dụng khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bao bì niêm phong tang vật bên trong chứa hộp giấy, vỏ bao bì thuốc lá, hộp nhựa, băng dính, các mảnh nilon ban đầu và 8,99gam methamphetamine, vỏ phong bì ghi vụ Quảng Văn C, Đỗ Ngọc T, tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tịch thu sung C quỹ nhà nước 01 điện thoại hiệu OPPO vỏ màu đỏ, kèm theo 01 xim thu giữ của Đỗ Ngọc T.

Trả lại cho bị cáo Đỗ Ngọc T số tiền 1.300.000VNĐ (Một triệu ba trăm nghìn đồng), trả lại cho bị cáo Quảng Văn C số tiền 100.000VNĐ (một trăm nghìn đồng).

3. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng).

Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15.8.2019).

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Mai Sơn;
- C an huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nông Văn Thịnh

